

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 5 – 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hà Hùng Kiệt.

2/ Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 262/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Châu Thị K Q (O)**; Sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 230 ấp A, xã T, huyện T, tỉnh S (Vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Ông Châu K**; Sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 222 ấp A, xã T, huyện T, tỉnh S (Vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Châu Thị K Q (O) trình bày:

Bà với ông Châu K tổ chức lễ cưới vào năm 2014. Cũng trong năm 2014, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 18 tháng 02 năm 2014. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên có nhiều điều không hợp nhau về tính tình và cách sống dẫn đến việc

thường xuyên cãi vã. Ông Châu K đã nhiều lần chửi mắng, xúc phạm cha mẹ bà Q (O). Bà Q (O) đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà sinh sống từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, bà Q (O) với ông K có một con chung tên Châu Trí K, sinh ngày 04/11/2015. Hiện cháu đang sống với ông K.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Châu Thị K Q (O) yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Châu K.

- Về con chung: Bà Châu Thị K Q (O) đồng ý cho ông Châu K được nuôi dưỡng cháu Châu Trí K, sinh ngày 04/11/2015 cho đến khi cháu thành niên và bà Q (O) không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q (O) trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện T bị đơn ông Châu K trình bày: Vào năm 2016, ông và bà Q (O) đi tới nhà cha mẹ bà Q (O) cách nhà ông khoảng 02 km chơi. Ông K nhậu cũng hơi say. Ông kêu bà Q (O) chạy xe chở ông về bên nhà ông nhưng bà Q (O) không chịu. Ông mới lấy xe chạy về nhà một mình. Vì chuyện này mà bà Q (O) giận ông và không chịu về bên gia đình ông sống nữa. Ông K có qua năn nỉ bà Q (O) về vì con còn nhỏ nhưng bà Q (O) nhất quyết không chịu về. Sau đó thì bà Q (O) bỏ đi B làm và không về thăm con. Ông và bà Q (O) đã không còn sống chung từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Nay trước yêu cầu của bà Q (O), ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông K đồng ý ly hôn với bà Châu Thị K Q (O).

- Về con chung: Ông K yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Châu Trí K, sinh ngày 04/11/2015 và không yêu cầu bà Châu Thị K Q (O) cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với ông Châu K để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Châu K đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thị K Q (O) ly hôn với ông Châu K. Về con chung: Giao con chung cho ông Châu K trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Châu Thị K Q (O) không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Châu Thị K Q (O) và ông Châu K đều vắng mặt. Tuy nhiên, bà Q (O) và ông K đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà Q (O) và ông K.

[2] Về nội dung: Bà Châu Thị K Q (O) và ông Châu K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 18 tháng 02 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q (O) và ông K là hợp pháp.

[3] Xét lý do xin ly hôn của bà Q (O), Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà Q (O), ông K hạnh phúc cho đến khoảng tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà Q (O) cho rằng do hai bên có nhiều điều không hợp nhau về tính tình và cách sống dẫn đến việc thường xuyên cãi vã. Còn ông K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc trong một lần đi chơi ông nhậu say, ông kêu bà Q (O) chở ông về nhà nhưng bà Q (O) không chở nên ông mới chạy xe về nhà một mình. Vì chuyện này, bà Q (O) giận ông và không về chung sống với ông nữa. Bà Q (O) và ông K đều trình bày hai người đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 3 năm 2021, ông K cũng đồng ý ly hôn với bà Q (O). Hội đồng xét xử xét thấy bà Q (O), ông K đã mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong thời gian dài, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q (O).

[4] Về con chung: Bà Q (O), ông K thống nhất để ông K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Trí K nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Châu Trí K cho ông K nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông K không yêu cầu nên bà Q (O) không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Châu Thị K Q (O) và ông Châu K trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Q (O) yêu cầu nên bà Q (O) phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị K Q (O).
- Về hôn nhân: Bà Châu Thị K Q (O) được quyền ly hôn với ông Châu K.
- Về con chung: Giao cháu Châu Trí K, sinh ngày 04/11/2015 cho ông Châu K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Châu Thị K Q (O) không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Châu Thị K Q (O) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Châu Thị K Q (O) lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Châu K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Châu Thị K Q (O). Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Châu Thị K Q (O) và ông Châu K trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Châu Thị K Q (O) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017 0005733 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Châu Thị K Q (O) đã nộp xong án phí.
- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã T , h T; tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân